Chi tiết mã HS 1806.31.00

Mã HS	1806.31.00
Mô tả hàng hóa	Sô cô la và các chế phẩm thực phẩm khác có chứa ca cao / - Loại khác, ở dạng khối, miếng hoặc thanh: / - - Có nhân
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	11/11/2026 21:44:21
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/18063100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	19.5	19,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K2356
Thuế NK ưu đãi (MFN)	13	13%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N2356
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q2356
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-MM)	0% (trừ MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	2	2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	5.2	5,2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	13	13%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0/0	0 / 0 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
EVFTA	0/3,7	0 / 3,7 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
RCEP (Phụ lục A)	6,5/17,5	6,5 / 17,5 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	6,5/17,5	6,5 / 17,5 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
RCEP (Phụ lục C)	6,5/17,5	6,5 / 17,5 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
RCEP (Phụ lục D)	7,1/19,1	7,1 / 19,1 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
RCEP (Phụ lục E)	6,5/17,5	6,5 / 17,5 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
RCEP (Phụ lục F)	6,5/17,5	6,5 / 17,5 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
UKVFTA	0/3,7	0 / 3,7 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E2366
ATIGA	2022	2022	0	AT!E2327
ATIGA	2023	2023	0	AT!F2327
ATIGA	2024	2024	0	AT!G2327
ATIGA	2025	2025	0	AT!H2327
ATIGA	2026	2026	0	AT!I2327
ATIGA	2027	2027	0	AT!J2327
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E2365
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F2365

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G2365
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H2365
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I2365
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J2365
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E2367
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F2367
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G2367
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H2367
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I2367
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J2367
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F2369
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H2333
AIFTA	30/12/2022	2022	5	AI!F2329
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	5	AI!G2329
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	5	AI!H2329
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	5	AI!I2329
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	5	AI!J2329
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	5	AI!K2329
VKFTA	2022	2022	0	VK!E2327
VKFTA	2023	2023	0	VK!F2327
VKFTA	2024	2024	0	VK!G2327
VKFTA	2025	2025	0	VK!H2327
VKFTA	2026	2026	0	VK!I2327
VKFTA	2027	2027	0	VK!J2327
VCFTA	2022	2022	10	VC!D2376
VCFTA	2023	2023	8	VC!E2376

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	6	VC!F2376
VCFTA	2025	2025	4	VC!G2376
VCFTA	2026	2026	2	VC!H2376
VCFTA	2027	2027	0	VC!I2376
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D2369
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E2369
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F2369
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G2369
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H2369
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I2369
AHKFTA	2022	2022	13	AKH!D2381
AHKFTA	2023	2023	13	AKH!E2381
AHKFTA	2024	2024	13	AKH!F2381
AHKFTA	2025	2025	13	AKH!G2381
AHKFTA	2026	2026	13	AKH!H2381
AHKFTA	2027	2027	13	AKH!I2381
EVFTA	2022	2022		EV-NK!2348
EVFTA	2023	2023		EV-NK!2348
EVFTA	2024	2024		EV-NK!2348
EVFTA	2025	2025		EV-NK!2348
EVFTA	2026	2026		EV-NK!2348
EVFTA	2027	2027		EV-NK!2348
UKVFTA	2022	2022		UKV!2350
UKVFTA	2023	2023		UKV!2350
UKVFTA	2024	2024		UKV!2350
UKVFTA	2025	2025		UKV!2350

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026		UKV!2350
UKVFTA	2027	2027		UKV!2350
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)		CPTPP!2346
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)		CPTPP!2346
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)		CPTPP!2346
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)		CPTPP!2346
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)		CPTPP!2346
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)		CPTPP!2346
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)		CPTPP!2346
RCEP A	2022	2022		RCEPT-A!2367
RCEP A	2023	2023		RCEPT-A!2367
RCEP A	2024	2024		RCEPT-A!2367
RCEP A	2025	2025		RCEPT-A!2367
RCEP A	2026	2026		RCEPT-A!2367
RCEP A	2027	2027		RCEPT-A!2367
RCEP B	2022	2022		B!2367
RCEP B	2023	2023		B!2367
RCEP B	2024	2024		B!2367
RCEP B	2025	2025		B!2367
RCEP B	2026	2026		B!2367
RCEP B	2027	2027		B!2367
RCEP C	2022	2022		C!2367
RCEP C	2023	2023		C!2367
RCEP C	2024	2024		C!2367
RCEP C	2025	2025		C!2367
RCEP C	2026	2026		C!2367

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027		C!2367
RCEP D	2022	2022		D!2367
RCEP D	2023	2023		D!2367
RCEP D	2024	2024		D!2367
RCEP D	2025	2025		D!2367
RCEP D	2026	2026		D!2367
RCEP D	2027	2027		D!2367
RCEP E	2022	2022		E!2370
RCEP E	2023	2023		E!2370
RCEP E	2024	2024		E!2370
RCEP E	2025	2025		E!2370
RCEP E	2026	2026		E!2370
RCEP E	2027	2027		E!2370
RCEP F	2022	2022		F!2367
RCEP F	2023	2023		F!2367
RCEP F	2024	2024		F!2367
RCEP F	2025	2025		F!2367
RCEP F	2026	2026		F!2367
RCEP F	2027	2027		F!2367
VIFTA	2024	2024	10.4	VI!F2208
VIFTA	2025	2025	7.8	VI!G2208
VIFTA	2026	2026	5.2	VI!H2208
VIFTA	2027	2027	2.6	VI!I2208

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 13%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (13%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 13%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 1806.31.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 13% của mã 1806.31.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N2356), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.